UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ QUẢNG NHÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:123 /QĐ – UBND	*Quảng Nhân, ngày 02 tháng8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách xã Quảng Nhân năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG NHÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/9/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 62/NQ-HĐND ngày 18/07/2024 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Nhân khoá XXI, kỳ họp thứ 11 về việc phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách xã Quảng Nhân năm 2023;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính-kế toán xã Quảng Nhân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách xã Quảng Nhân năm 2023 *(có các biểu kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, công chức kế toán ngân sách xã, các ban ngành đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- TT Đảng uỷ, HĐND, UBND;
- Như điều 3;
- Đài truyền thanh xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Kiên

Biểu số 116/CKTC-NSNN

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND xã Quảng Nhân)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Quyết toán năm 2023	Nội dung chi	Quyết toán năm 2023
1	2	3	4
Tổng số thu	**22.644.821.384**	**Tổng số chi**	**22.644.821.384**
1. Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	182.486.000	1. Chi đầu tư phát triển	15.982.959.000
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	2.662.114.960	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính		3. Chi thường xuyên	4.574.439.261
4. Thu kết dư năm trước	0	4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	1.839.189.424	5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	
6. Thu viện trợ		6. Chi chuyển nguồn sang năm sau	1.942.423.123
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	17.961.031.000	7. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	145.000.000
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	*2.497.482.000*		
- Bổ sung có mục tiêu	*15.463.549.000*		
Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)	**0**		

Biểu số 117/CKTC-NSNN

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND xã Quảng Nhân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023		Quyết toán năm 2023		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	(5)=(3):(1)	(6)=(4):(2)
	TỔNG THU (I+II+III+IV+V+VI)	**65.664.304.000**	**19.289.804.000**	**33.450.315.095**	**22.644.821.384**	**51%**	**117%**
I	**Các khoản thu 100%**	**188.509.000**	**188.509.000**	**182.486.000**	**182.486.000**	**97%**	**97%**
	- Phí, lệ phí	25.000.000	25.000.000	18.630.000	18.630.000	75%	75%
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	163.509.000	163.509.000	163.856.000	163.856.000	100%	100%
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**63.300.500.000**	**16.926.000.000**	**13.467.608.671**	**2.662.114.960**	**21%**	**16%**
1	**Các khoản thu phân chia**	**3.300.500.000**	**1.926.000.000**	**1.590.954.233**	**963.404.544**	**48%**	**50%**
	- Thuế VAT-TTĐB-TNDN	15.000.000	9.000.000	19.683.279	11.809.975	131%	131%
	- Thuế Thu nhập cá nhân, chuyển nhượng BĐS	2.457.000.000	1.228.500.000	1.088.982.465	544.491.238	44%	44%
	- Thuế sử dụng đất phi NN (hộ GĐ+hộ SXKD)	115.000.000	115.000.000	133.144.488	133.144.488	116%	116%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	700.000.000	560.000.000	336.323.541	269.058.843	48%	48%
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	3.500.000	3.500.000	4.400.000	4.400.000	126%	126%

	- Các khoản thu phân chia khác	10.000.000	10.000.000	8.420.460	500.000	84%	5%
2	**Tiền cấp quyền sử dụng đất**	**60.000.000.000**	**15.000.000.000**	**11.876.654.438**	**1.698.710.416**	20%	11%
	- Tiền sử dụng đất điều tiết	60.000.000.000	15.000.000.000	11.876.654.438	1.698.710.416	20%	11%
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**		**-**	**1.839.189.424**	**1.839.189.424**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		**-**	**-**	**-**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**2.175.295.000**	**2.175.295.000**	**17.961.031.000**	**17.961.031.000**	**826%**	**826%**
	- Bổ sung cân đối ngân sách	2.175.295.000	2.175.295.000	2.497.482.000	2.497.482.000	115%	115%
	- Bổ sung có mục tiêu			15.463.549.000	15.463.549.000		

Biểu số 118/CKTC-NSNN

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND xã Quảng Nhân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm 2023	Quyết toán năm 2023	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	(3)= (2):(1)
	Tổng số chi	**19.289.804.000**	**22.644.821.384**	**117%**
I	**Chi đầu tư**	**15.000.000.000**	**15.982.959.000**	**107%**
1	Chi quốc phòng, an ninh			
2	Chi giáo dục	4.325.551.000	11.140.250.000	258%
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
4	Chi y tế			
5	Chi văn hóa, thông tin			
6	Chi phát thanh, truyền thanh			
7	Chi thể dục, thể thao			
8	Chi bảo vệ môi trường			
9	Chi các hoạt động kinh tế	8.937.687.000	2.036.515.000	23%
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	1.736.762.000	2.806.194.000	162%
11	Chi cho công tác xã hội			
12	Chi dự phòng			
II	**Chi thường xuyên**	**4.289.804.000**	**4.574.439.261**	**107%**
1	**Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội**	**54.000.000**	**94.008.000**	**174%**
	- Chi dân quân tự vệ	27.000.000	71.408.000	264%
	- Chi trật tự an toàn xã hội	27.000.000	22.600.000	84%
2	Chi giáo dục (Trung tâm HTCĐ)	72.000.000	6.872.000	10%
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
4	Chi y tế			
5	Chi văn hóa, thông tin	28.600.000	28.599.600	100%
6	Chi phát thanh, truyền thanh	23.000.000	11.658.060	51%
7	Chi thể dục, thể thao	0	0	0%
8	Chi bảo vệ môi trường	46.800.000	12.000.000	26%
9	Chi các hoạt động kinh tế	31.500.000	18.337.500	58%
	- Giao thông			
	- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	31.500.000	18.337.500	58%
10	**Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể**	**3.514.365.000**	**3.560.794.501**	**101%**
10.1	Chi hoạt động của UBND	3.295.210.000	3.423.944.501	103%

10.2	Hội đồng nhân dân	40.000.000	20.260.000	51%
10.3	Đảng Cộng sản Việt Nam	88.655.000	52.270.000	59%
10.4	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	36.000.000	27.100.000	75%
10.5	Đoàn Thanh niên	8.000.000	5.000.000	63%
10.6	Hội Liên hiệp Phụ nữ	8.000.000	5.000.000	63%
10.7	Hội Cựu chiến binh	6.000.000	4.050.000	68%
10.8	Hội Nông dân	21.000.000	18.000.000	86%
10.9	Hội chữ thập đỏ	1.500.000	750.000	50%
10.10	Hội NCT	1.500.000	800.000	53%
10.11	Hội khuyến học	1.500.000	800.000	53%
10.12	Hội TNXP	1.500.000	720.000	48%
10.13	Hội CĐDC	1.500.000	700.000	47%
10.14	Hội cựu giáo chức	1.000.000	0	0%
10.15	Hội bảo trợ NKT và trẻ em mồ côi	1.500.000	700.000	47%
10.16	Chi hoạt động thanh tra nhân dân	1.500.000	700.000	47%
11	**Chi cho công tác đảm bảo xã hội**	**419.539.000**	**842.169.600**	**201%**
	- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ hưu xã	*311.959.000*	*349.563.600*	*112%*
	- Chi các hoạt động đảm bảo xã hội khác (Trợ cấp TNXP+ quà Tết NCT+NCC với CM,..)	*107.580.000*	*492.606.000*	*458%*
12	**Chi khác**			
13	**Chi dự phòng**	**100.000.000**	**0**	**0%**
IV	**Chi chuyển nguồn sang năm 2024**		**1.942.423.123**	
4.1	**Chi chuyển nguồn đầu tư**		**833.622.416**	
-	*Đường giao thông nối đường Ninh – Nhân- Hải đến đường Xóm Thắng đi đường Thanh Niên, huyện Quảng Xương*		*178.814.000*	
-	*Công trình Trường Mầm non Quảng Nhân*		*635.700.000*	
-	*Trường Mầm non Quảng Nhân, Hạng mục: Đầu tư, cải tạo khu nhà cấp 4, khu bếp ăn, khuôn viên, cổng, vỉa hè, tường rào, nhà bảo vệ, nhà xe, tháo dỡ công trình cũ, mua sắm trang thiết bị, đồ chơi phòng học và các hạng mục khác*		*19.108.416*	
4.2	**Chi chuyển nguồn thường xuyên**		**1.108.800.707**	
-	*BSMT kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở năm 2023 theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 (đợt 2)*		*1.174.577*	
-	*BSMT kinh phí để thực hiện Dự án 4, Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2023*		*20.962.000*	

-	*BSMT kinh phí khuyến khích sử dụng hình thức hoả táng*		*3.000.000*	
-	*Nguồn thực hiện CCTL*		*1.083.448.686*	
-	*Nguồn tăng thu tiết kiệm chi TX*		*215.444*	
V	**CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**		**145.000.000**	
-	*Tư vấn khảo sát lập QH xây dựng chi tiết, tỷ lệ 1/500 khu dân cư thôn 3 (vị trí 1), thôn 3 (vị trí 2), thôn 6 xã Quảng Nhân*		*145.000.000*	

Biểu số 119/CKTC-NSNN

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND xã Quảng Nhân)

ĐVT: nghìn đồng

STT	Tên công trình	Dự toán được HĐND phân bổ năm 2023	Điều chỉnh dự toán		Dự toán sau khi điều chỉnh	Số QT chi NS và TC xã năm 2023	Số đã sử dụng								
							Chia ra								
							Tài chính xã	Ngân sách xã	Chia ra						
			Giảm	Tăng					Tiền sử dụng đất	Ghi thu-GC	Đóng góp	Mục tiêu	Tăng thu TK chi tiền đất	Chuyển nguồn	
														TK chi TX bổ sung cho ĐT	Tiền đất
	Tổng số	**15.000.000**	**1.854.541**	**17.519.541**	**30.665.000**	**15.982.959**	**0**	**15.982.959**	**1.687.352**	**0**	**0**	**14.070.607**	**0**	**195.295**	**29.705**
I	**Công trình đã phê duyệt quyết toán**														
1	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: San lấp và tường rào	34.898			34.898	0		0							
2	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	74.062			74.062	0		0							
3	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Nhà bếp 1 chiều và các hạng mục phụ trợ	224.621			224.621	0		0							

4	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 5 phòng	112.869			112.869	0		0							
5	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Đường giao thông, vỉa hè, rãnh thoát nước	311.547	240.247		71.300	0		0							
6	Trường Mầm non xã Quảng Nhân; Hạng mục: Cải tạo nhà hiệu bộ, nhà nhạc họa, khuôn viên, bể nước, cầu nối, sân gia công	90.783			90.783	0		0							
7	Trường Tiểu học. HM: San lấp ao, cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ	26.771			26.771	0		0							
8	Mương tưới từ trạm bơm kênh Hùng Bình đi kênh B30	37.418	37.418		0	0		0							
9	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Quảng Nhân; HM: Tuyến kênh mương từ Cồn Diệc thôn 1 đi kênh Hùng Bình	168.354	115.163		53.191	0		0							
10	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Quảng Nhân; HM: Tuyến kênh mương từ Vĩnh Sênh thôn 2 đi kênh Hùng Bình	239.642	234.398		5.244	0		0							
11	Đường giao thông bê tông vào nhà văn hóa thôn 6 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Nền mặt đường và cống	239.114			239.114	0		0							
12	Đường giao thông nông thôn xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Tuyến đường từ nhà ông Dung đến nhà ông Nhân thôn 6	181.333			181.333	0		0							

13	Nâng cấp, sữa chữa công sở và nhà văn hóa các thôn xã Quảng Nhân	386.762			386.762	0		0							
14	Đường giao thông bê tông vào nhà văn hóa thôn 6 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Rãnh thoát nước dọc đường	50.000		107.949	157.949	0		0							
15	Đường giao thông nông thôn xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Nền, mặt đường	50.000		85.674	135.674	0		0							
16	Kiên cố hóa tuyến kênh từ đập Hùng Bình đi đường liên thôn 6 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: Kênh và CTTK đoạn từ K0+0,0-K0+191,41	121.050			121.050	0		0							
17	Kiên cố hóa kênh từ đường liên thôn 6 đến kênh B30 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: Kênh và CTTK đoạn từ K0+0,0-K0+467,09	142.603			142.603	0		0							
18	Đường mở rộng và kênh từ kênh B30 đến đường vào nhà văn hóa thôn 5 xã Quảng Nhân	312.308			312.308	0		0							
19	CT Kiên cố hoá kênh thôn 6. Hạng mục kênh chính	65.327			65.327	0		0							
II	**Công trình hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán**				0			0							
20	Công sở xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà làm việc 1 tầng và hạng mục phụ trợ	400.000			400.000	0		0							

21	Trường tiểu học Quảng Nhân; HM: Nhà lớp học 2 tầng kết hợp nhà hiệu bộ	500.000		500.000	1.000.000	191.000		191.000	191.000						
22	Trường tiểu học Quảng Nhân; HM: San nền, tường rào, sân bê tông, sân khấu	50.000		150.000	200.000	0		0							
23	Công sở xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà vệ sinh và hạng mục phụ trợ	50.000		215.000	265.000	0		0							
24	Đường giao thông và mương tiêu thôn 1 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; Hạng mục: Tuyến đường giao thông từ anh San đi anh Han và tuyến mương tiêu từ đường Ninh Nhân Hải đến Khua	200.000		50.000	250.000	0		0							
25	Trường tiểu học Quảng Nhân; HM: Sân lát gạch	200.000			200.000	0		0							
26	Đường giao thông và hệ thống thoát nước xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: Tuyến đường và rãnh thoát nước từ thôn 3 đi thôn 4	250.000			250.000	0		0							
27	Đường giao thông nông thôn từ nhà văn hóa đi nhà anh Hoạt thôn 2 xã Quảng Nhân	170.000		150.000	320.000	271.333		271.333	271.333						
28	Đường giao thông nông thôn xóm 7 thôn 2 xã Quảng Nhân	100.000		70.000	170.000	0		0							

29	Đường GTNT đoạn từ ngõ Bà Đạo đến kênh B30 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	100.000			100.000	0		0							
30	Đường GTNT đoạn từ nhà ông Phát đến nhà ông Hiền xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	100.000			100.000	0		0							
31	Cải tạo công sở xã Q.Nhân. HM: Cải tạo khuôn viên và các hạng mục phụ trợ	100.000			100.000	0		0							
32	Xây dựng ĐD 22 KV và TBA số 9: 250kVA-22/0,4kV xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	20.000			20.000	0		0							
33	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ thuộc Trường Mầm non, trường Tiểu học, trường THCS xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	150.000			150.000	0		0							
34	Cải tạo, mở rộng đường giao thông từ bưu điện đến nhà bà Nga thôn 1 xã Quảng Nhân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát nước	700.000	200.000		500.000	0		0							
35	Đường giao thông thôn 1 (Tuyến từ ngõ bà Hòa đến ngõ ông Hoạt và từ ngõ ông Tham đến đường Ninh Nhân Hải phía nam) xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	300.000		129.000	429.000	0		0							
III	**Công trình đang thực hiện chưa hoàn thành**				0	0		0							

36	Đường GTNT thôn 3 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương; HM: tuyến đường ông Doan, ông Hiền, anh Hương, anh Thêm, anh Thuận	800.000	137.766		662.234	225.000		225.000						195.295	29.705
37	Mương và đường mở rộng từ nhà ông Thái đi ruộng ông Nga thôn 4 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương;	700.000	700.000		0	0		0							
38	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nhóm 7 thôn 2 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	2.060.538		462.509	2.523.047	270.000		270.000	270.000						
39	Nâng cấp đường GTNT và chỉnh trang vỉa hè đường trục chính Nhà văn hóa thôn 5 xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	850.000		100.000	950.000	528.996		528.996	256.125			272.871			
40	Đường giao thông nối đường Ninh - Nhân - Hải đến đường Xóm Thắng đi đường Thanh Niên, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Nền, mặt đường	1.000.000		390.000	1.390.000	741.186		741.186				741.186			
41	Lập quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Nhân đến năm 2030	80.000			80.000	0		0							
42	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 6 xã Q.Nhân			600.000	600.000	600.000		600.000				600.000			
IV	**Công trình khởi công mới**				0			0							
43	Xây dựng ĐD 22 KV và TBA số 10: 250kVA-22/0,4kV xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương	200.000			200.000	169.979		169.979	169.979						

44	Công trình Trường Mầm Non xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Khu nhà 2T10P và các hạng mục phụ trợ	1.400.000		9.829.170	11.229.170	9.457.000		9.457.000	92.700			9.364.300			
45	CT Trường Mầm Non. HM: Sửa chữa khu nhà cấp 4, khu bếp ăn, khuôn viên, cổng, vỉa hè, tường rào, nhà bảo vệ, nhà xe, tháo bỏ công trình cũ, mua sắm trang thiết bị, đồ chơi phòng học và các hạng mục khác	1.150.000		1.295.283	2.445.283	1.492.250		1.492.250				1.492.250			
46	Di chuyển trạm hạ thế trước trường Mầm non xã Quảng Nhân	500.000	189.549		310.451	236.215		236.215	236.215						
47	Công trình Xây dựng nhà văn hoá thôn 1			1.582.013	1.582.013	1.000.000		1.000.000	200.000			800.000			
48	Công trình Xây dựng nhà văn hoá thôn 4			1.512.989	1.512.989	800.000		800.000				800.000			
49	Sửa chữa nâng cấp dải phân cách trước công sở, xây tường rào chỉnh trang đường giao thông, xã Quảng Nhân			289.954	289.954										